

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 10 - 5 - 2018

V/v tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tú Anh
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T1** (Nguyễn Văn N), sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thanh N1**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nga: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2018) (có mặt).

3.2. Bà **Trịnh Thị A**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017 nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:* Vào ngày 03/8/2015 ông có cho ông Nguyễn Tấn T1 (tên thường gọi là Nguyễn Văn N) vay số tiền 110.000.000 đồng; ông T1 có viết biên nhận cho ông để làm bằng; hai bên không thỏa thuận lãi suất; ông T1 hứa vay tiền đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại; ông đã giao cho ông T1 nhận đủ số tiền 110.000.000 đồng. Đến ngày 25/9/2015 ông T1 có trả ông 50.000.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 02/2017 ả ông T1 viết giấy tay với nội dung hứa trả số tiền còn lại 60.000.000 đồng vào ngày 18/02/2017 ả nhưng đến nay ông T1 không trả.

Ông yêu cầu ông Nguyễn Tấn T1 có trách nhiệm trả ông số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh, tạm tính từ ngày 03/8/2015 đến ngày 03/10/2017 là 26 tháng với mức lãi suất 1%/tháng, tương đương 26 tháng x 600.000 đồng = 15.600.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi bằng 75.600.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh N1 trình bày:*

Bà là vợ của ông Lê Thanh T, vợ chồng bà đã ly thân khoảng 07 năm nay. Khi ông T cho ông T1 vay số tiền 110.000.000 đồng thì bà không biết. Đến tháng 6/2017 bà có nghe ông T nói ông T1 có nợ 60.000.000 đồng; vì ông T là bạn thân của ông T1 nên có đứng ra hỏi vay dùm ông T1 số tiền 110.000.000 đồng. Sau đó ông T1 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng. Đến hạn trả, ông T lấy giấy chứng nhận QSD đất của gia đình thế chấp ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bình Tân vay số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ cho ông T1. Bà và ông T nhiều lần đến gặp ông T1 và bà A (vợ ông T1) yêu cầu trả nợ nhưng bà A không biết gì về việc vay nợ này, còn ông T1 hứa hẹn nhiều lần nên ông T khởi kiện. Nay bà thống nhất theo yêu cầu của ông T, yêu cầu ông T1 trả ông T số nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi 15.600.000 đồng; không yêu cầu bà A có trách nhiệm liên đới với ông T1. Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị A trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Tấn T1, ông T1 có tên thường gọi là Nguyễn Văn N. Việc ông T1 vay tiền ông T khi nào, làm gì thì bà không biết; đến khi ông T1 bỏ nhà đi, ông T đến nhà đòi nợ thì bà mới biết ông T1 thiếu nợ ông T. Bà xác định các chữ ký trong biên nhận ngày 03/8/2015, biên nhận ngày 25/9/2015 và tờ cam kết hứa trả nợ ngày 18/02/2017 là chữ ký của ông T1. Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ mà không yêu cầu bà có trách nhiệm liên đới thì bà không có ý kiến vì nợ này là do cá nhân ông T1 mượn, bà hoàn toàn không biết đến, bà không đồng ý trả nợ ông T. Hiện bà và ông T1 mỗi người đã có cuộc sống riêng, bà không biết ông T1 đi đâu làm gì. Do bận công việc gia đình và sức khỏe yếu không thể đi lại nhiều nên bà xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

- *Tại phiên tòa:*

Ông T xác định ngày 25/9/2015 ông T1 có đóng lãi cho ông 18.880.000 đồng. Ông yêu cầu ông T1 có trách nhiệm trả ông số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/9/2015 đến ngày xét xử 10/5/2018 với mức lãi suất 1%/tháng. Ông không đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông T1 đã đóng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T buộc ông Nguyễn Tấn T1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng và lãi 1.927.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm ông T1 phải chịu 3.096.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông T1 vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị A xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1 và bà A.

[3] Ông Nguyễn Tấn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên ông T1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông Lê Thanh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Tấn T1 (Nguyễn Văn N) có trách nhiệm trả ông số tiền vay vốn gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/9/2015 đến ngày xét xử 10/5/2018 với mức lãi suất 1%/tháng.

[4.1] Việc ông T1 vay số tiền 110.000.000 đồng của ông T là có thật; ông T1 có viết biên nhận ngày 03/8/2015; đến ngày 25/9/2015 ông T1 có trả ông T 50.000.000 đồng; đến khoảng đầu tháng 02/2017 ông T1 viết giấy tay với nội dung hứa trả số tiền còn lại 60.000.000 đồng vào ngày 18/02/2017. Bà Trịnh Thị A là vợ của ông

Nguyễn Tấn T1 xác định ông T1 có tên thường gọi là Nguyễn Văn N; đồng thời xác định các chữ ký trong biên nhận ngày 03/8/2015, biên nhận ngày 25/9/2015 và tờ cam kết trả nợ là chữ ký của ông T1. Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T1 có trách nhiệm trả ông T số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng là thỏa đáng.

[4.2] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu ông T1 trả lãi. Mặc dù hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc ông T yêu cầu tính lãi 1%/tháng là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 25/9/2015 đến ngày xét xử 10/5/2018 là chưa phù hợp; bởi vì tại phiên tòa ông T xác định đã nhận tiền lãi của ông T1 là 18.880.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ cho ông T1.

Lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 03/8/2015 đến ngày 25/9/2015 là 01 tháng 22 ngày x 110.000.000 đồng x 1%/tháng = 1.907.000 đồng.

Từ ngày 25/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/5/2018 là 31 tháng 15 ngày x 60.000.000 đồng x 1%/tháng = 18.900.000 đồng.

$(1.907.000 \text{ đồng} + 18.900.000 \text{ đồng}) - 18.880.000 \text{ đồng} = 1.927.000 \text{ đồng}.$

Hội đồng xét xử buộc ông T1 trả tiền lãi cho ông T là 1.927.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông T1 phải chịu 3.096.000 đồng (*Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Tấn T1 (tên thường gọi là Nguyễn Văn N) có trách nhiệm trả ông Lê Thanh T số tiền vay vốn 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và lãi 1.927.000 đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Lê Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Tấn T1 chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Nguyễn Tấn T1 (tên thường gọi là Nguyễn Văn N) phải chịu 3.096.000 đồng (*Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả ông Lê Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.890.000 đồng (*Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011993 ngày 14/11/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Phan Kim Ngân